

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2020/DS-PT  
Ngày: 30-11-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 430/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường P, phường V, thành phố R, tỉnh K.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Trần Tuấn A, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Võ Lâm Quốc T, sinh năm: 1988, Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Phòng giao dịch T.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 97/UQ-PGDTA ngày 06/11/2020).

Địa chỉ: Phường X, Thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Trịnh Văn B, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Đường N, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Ông Trịnh Minh T1, sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Đường N, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An.

3. Bà Đinh Thị Kiều D, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Đường N, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trịnh Văn B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2019, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 26 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K do ông Võ Lâm Quốc T đại diện trình bày:

Vào ngày 11 tháng 05 năm 2018, Ngân hàng K – Phòng giao dịch T và ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Minh T1 ký Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A505820/HĐTD-CC theo đó ông B và ông T1 vay Ngân hàng số tiền 13.000.000 đồng, thời hạn vay 150 ngày, theo sản phẩm cho vay trả góp ngày; lãi suất trong hạn 14,94%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hình thức thanh toán: gốc lãi chia đều, trả hàng ngày, mục đích vay: buôn bán.

Tài sản cầm cố bảo đảm nợ vay là xe mô tô, xe máy biển số 62B1-372.54, nhãn hiệu HONDA; số loại VISION; màu đen bạc; số máy JF6E0652143; số khung 581XGY652133; dung tích 108,2cm<sup>3</sup> do Trịnh Minh T1 đứng tên chủ sở hữu.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, Ngân hàng K – Phòng giao dịch T và ông Trịnh Văn B, bà Đinh Thị Kiều D ký Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A530326/HĐTD-CC theo đó ông B và bà D vay Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 150 ngày, theo sản phẩm cho vay trả góp ngày; lãi suất trong hạn 14,94%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hình thức thanh toán: gốc lãi chia đều, trả hàng ngày, mục đích vay: buôn bán.

Tài sản cầm cố bảo đảm nợ vay là xe mô tô, xe máy biển số 62B1-138.30, nhãn hiệu HONDA; số loại WAVE ALPHA; màu đỏ đen bạc; số máy HC12E3409117; số khung 1200BY609977; dung tích 97cm<sup>3</sup> do bà Đinh Thị Kiều D đứng tên chủ sở hữu.

Sau khi vay tiền, hợp đồng tín dụng số A505820/HĐTD-CC ngày 11/5/2018 ông B, ông T1 trả cho Ngân hàng K đến ngày 10/7/2018 (60 ngày) gốc là 5.200.000 đồng và lãi, đến nay ông B, ông T1 còn nợ Ngân hàng gốc là 7.800.000 đồng, lãi tính đến ngày 07/8/2020 là 3.673.122 đồng.

Hợp đồng tín dụng số A530326/HĐTD-CC ngày 13/6/2018 ông B, bà D trả cho Ngân hàng K đến ngày 13/7/2018 (30 ngày) gốc là 2.000.000 đồng và lãi, hợp đồng này ông B, bà D còn nợ Ngân hàng gốc là 8.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 07/8/2020 là 3.621.093 đồng.

Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu: Ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Minh T1 và bà Đinh Thị Kiều D liên đới trả cho Ngân hàng K số tiền vay trong các hợp đồng tín dụng nêu trên số tiền vay gốc là 15.800.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 07/8/2020 là 7.294.215 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 23.094.214 đồng.

Về xử lý tài sản cầm cố: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trịnh Văn B thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng, thừa nhận số tiền vay, nợ vay, tài sản cầm cố như đại diện Ngân hàng trình bày và đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Trịnh Minh T1 và bà Đinh Thị Kiều D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T đã căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 274, 288, 315, 316, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Minh T1 và bà Đinh Thị Kiều D.

Buộc ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Minh T1 và bà Đinh Thị Kiều D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số nợ vay trong các Hợp đồng tín dụng số A505820/HĐTD-CC ngày 11/5/2018 và số A530326/HĐTD-CC ngày 13/6/2018 số tiền gốc là 15.800.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 07/8/2020 là 7.294.215 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 23.094.215 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 08/8/2020, ông B, ông T1 và bà D còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thi hành xong số nợ trên.

3. Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đinh Thị Kiều D bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014536 do Công an tỉnh Long An cấp cho bà Đinh Thị Kiều D vào ngày 18 tháng 3 năm 2013 và hoàn trả cho ông Trịnh Minh T1 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 018032 do Công an tỉnh Long An cấp cho ông Trịnh Minh T1 vào ngày 13/02/2017 ngay sau khi ông B, ông T1 và bà D thực hiện nghĩa vụ trả đủ số nợ trên cho Ngân hàng K.

4. Về án phí: Ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Minh T1 và bà Đinh Thị Kiều D liên đới chịu 1.154.710 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí là 492.231 đồng theo biên lai thu số 0004204 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 8 năm 2020 bị đơn ông Trịnh Văn B kháng cáo yêu cầu xin trả dần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Minh T1, bà Đinh Thị Kiều D vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét đơn kháng cáo của ông Trịnh Văn B thấy rằng: Ông B kháng cáo xin trả dần nợ vay nhưng không được đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đồng ý, pháp luật cũng không quy định về việc cho trả dần nợ vay. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông B, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo bị đơn ông Trịnh Văn B được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, bị đơn ông Trịnh Văn B vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh T1, bà Đinh Thị Kiều D vắng mặt, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[3] Ngân hàng Thương mại Cổ phần K khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trịnh Văn B, bà Đinh Thị Kiều D và ông Trịnh Minh T1. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông B, bà D, ông T1 trả nợ cho Ngân hàng nên ông B kháng cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Văn B thấy rằng:

[4.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và bị đơn ông Trịnh Văn B, bà Đinh Thị Kiều D và ông Trịnh Minh T1 đã xác lập giao dịch là hợp đồng tín dụng vay tiền. Hợp đồng này được ông Trịnh Văn B thừa nhận và được thể hiện bằng các hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A505820/HĐTD-CC ngày 11/05/2018 và số A530326/HĐTD-CC ngày 13/6/2018. Các đương sự thống nhất về số tiền vốn gốc và lãi còn phải thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07 tháng 8 năm 2020 là 23.094.215 đồng. Do ông B bà D và ông T1 không trả nợ nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần K khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị đơn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền đã vay là có căn cứ.

[4.2] Ông Trịnh Văn B đồng ý trả nợ nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông B kháng cáo yêu cầu được trả dần 2.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên các bên không có thỏa thuận trả dần số nợ, tại văn bản ngày 20 tháng 11 năm 2020 của người đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần K không đồng ý với yêu cầu xin trả dần

của ông B nên không có cơ sở chấp yêu cầu kháng cáo của ông B, chấp nhận đề nghị giải quyết vụ án của bà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Ông B kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Văn B;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Căn cứ vào Điều 35, 39, 147, 148, 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 274, 288, 315, 316, 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Minh T1 và bà Đinh Thị Kiều D.

Buộc ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Minh T1 và bà Đinh Thị Kiều D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số nợ vay trong các Hợp đồng tín dụng số A505820/HĐTD-CC ngày 11/5/2018 và số A530326/HĐTD-CC ngày 13/6/2018 số tiền gốc là 15.800.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 07/8/2020 là 7.294.215 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 23.094.215 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 08/8/2020, ông B, ông T1 và bà D còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thi hành xong số nợ trên.

3. Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đinh Thị Kiều D bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014536 do Công an tỉnh Long An cấp cho bà Đinh Thị Kiều D vào ngày 18 tháng 3 năm 2013 và hoàn trả cho ông Trịnh Minh T1 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 018032 do Công an tỉnh Long An cấp cho ông Trịnh Minh T1 vào ngày 13/02/2017 ngay sau khi ông B, ông T1 và bà D thực hiện nghĩa vụ trả đủ số nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

4. Về án phí: Ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Minh T1 và bà Đinh Thị Kiều D liên đới chịu 1.154.710 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí là 492.231 đồng theo biên lai thu số 0004204 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

Ông Trịnh Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004713 ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố T.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kim Nga**